BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

Số: 1599 /TB-TĐHHN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 01 tháng 4 năm 2026

THÔNG TIN TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC THƯỜNG XUYÊN NĂM 2026

I. Thông tin chung về trường

- Tên trường: **Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội**.
- Mã trường: **DMT**.
- Trụ sở chính tại thành phố Hà Nội: Số 41A, đường Phú Diễn, phường Phú Diễn, Thành phố Hà Nội.
- Phân hiệu tại tỉnh Thanh Hóa: Số 04, đường Trần Phú, phường Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa.
- Trang thông tin về tuyển sinh đại học hình thức đào tạo thường xuyên: hunre.edu.vn; chunre.edu.vn.
- Địa chỉ công khai thông tin tuyển sinh và hoạt động đào tạo của Trường: hunre.edu.vn. và chunre.edu.vn.
- Số điện thoại tư vấn tuyển sinh: 0944868682 hoặc 0915926023

II. Thông tin tuyển sinh đại học hình thức đào tạo thường xuyên (Dự kiến)

1. Đối tượng, điều kiện dự tuyển

- Người đã được công nhận tốt nghiệp THPT, trung học nghề của Việt Nam hoặc của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương với trung học phổ thông (THPT), trung học nghề của Việt Nam theo quy định.
- Người đã có bằng tốt nghiệp trung cấp ngành nghề thuộc cùng nhóm ngành dự tuyển và đã hoàn thành đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa cấp THPT theo quy định của pháp luật.
- Người dự tuyển hợp lệ phải đáp ứng đủ các điều kiện sau:

a) Đạt ngưỡng đầu vào theo quy định;

b) Có đủ sức khoẻ để học tập theo quy định hiện hành;

c) Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định.

2. Phương thức tuyển sinh năm 2026

- **Phương thức 1:** Xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- **Phương thức 2:** Xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2026.
- **Phương thức 3:** Xét tuyển theo kết quả học tập THPT (Học bạ) sử dụng điểm trung bình chung kết quả học tập cả năm các lớp 10, 11, 12.
- Nguyên tắc xét tuyển áp dụng theo quy định tại Thông tin tuyển sinh đại học hình thức đào tạo chính quy. Cách tính điểm xét tuyển như sau:

Điểm xét tuyển = (Điểm môn 1 + Điểm môn 2 + Điểm môn 3 + ĐC) + ĐƯT

Trong đó

+ Điểm môn đối với phương thức 2 là điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2026 của môn thi trong tổ hợp môn xét tuyển;

+ Điểm môn đối với phương thức 3 là điểm trung bình cộng tính theo điểm tổng kết kết quả học tập cả năm lớp 10, lớp 11, lớp 12 của môn học. Ví dụ: Điểm môn Toán trong tổ hợp môn = **(**Điểm tổng kết cả năm môn Toán lớp 10 + lớp 11 + lớp 12**) /** 3);

+ ĐC = Điểm cộng của thí sinh được tính theo quy định của Trường (nếu có);

+ ĐƯT = Điểm KVƯT và ĐTƯT được tính theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (nếu có).

- Tổ hợp môn xét tuyển đại học hình thức đào tạo thường xuyên:

STT	Mã ngành	Tên ngành	Tổ hợp môn xét tuyển
1	7220201	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh, Toán, Ngữ Văn Tiếng Anh, Toán, Vật lý Tiếng Anh, Toán, Hóa học Tiếng Anh, Toán, Công nghệ *(Công nghệ: Công nghiệp hoặc Nông nghiệp)* Tiếng Anh, Toán, Sinh học Tiếng Anh, Toán, Tin học Tiếng Anh, Toán, Lịch sử Tiếng Anh, Toán, Giáo dục KT&PL Tiếng Anh, Ngữ Văn, Giáo dục KT&PL Tiếng Anh, Ngữ Văn, Địa lý Tiếng Anh, Ngữ Văn, Lịch sử Tiếng Anh, Ngữ Văn, Tin học
2	7340101	Quản trị kinh doanh	Toán, Vật lý, Hóa học Toán, Vật lý, Tiếng Anh Ngữ Văn, Lịch sử, Địa lý Toán, Ngữ Văn, Tiếng Anh Toán, Ngữ Văn, Vật lý Toán, Ngữ Văn, Hóa học Toán, Ngữ Văn, Công nghệ *(Công nghệ: Công nghiệp hoặc Nông nghiệp)* Toán, Ngữ Văn, Sinh học Toán, Ngữ Văn, Lịch sử Toán, Ngữ Văn, Địa lý Toán, Ngữ Văn, Giáo dục KT&PL Toán, Ngữ Văn, Tin học

STT	Mã ngành	Tên ngành	Tổ hợp môn xét tuyển
3	7340115	Marketing	Toán, Vật lý, Hóa học Toán, Vật lý, Tiếng Anh Ngữ Văn, Lịch sử, Địa lý Toán, Ngữ Văn, Tiếng Anh Toán, Ngữ Văn, Vật lý Toán, Ngữ Văn, Hóa học Toán, Ngữ Văn, Công nghệ *(Công nghệ: Công nghiệp hoặc Nông nghiệp)* Toán, Ngữ Văn, Sinh học Toán, Ngữ Văn, Lịch sử Toán, Ngữ Văn, Địa lý Toán, Ngữ Văn, Giáo dục KT&PL Toán, Ngữ Văn, Tin học
4	7340116	Bất động sản	Toán, Vật lý, Hóa học Toán, Vật lý, Tiếng Anh Ngữ Văn, Lịch sử, Địa lý Toán, Ngữ Văn, Tiếng Anh Toán, Ngữ Văn, Vật lý Toán, Ngữ Văn, Hóa học Toán, Ngữ Văn, Công nghệ *(Công nghệ: Công nghiệp hoặc Nông nghiệp)* Toán, Ngữ Văn, Sinh học Toán, Ngữ Văn, Lịch sử Toán, Ngữ Văn, Địa lý Toán, Ngữ Văn, Giáo dục KT&PL Toán, Ngữ Văn, Tin học
5	7340301	Kế toán	Toán, Vật lý, Hóa học Toán, Vật lý, Tiếng Anh Toán, Lịch sử, Địa lý Toán, Ngữ Văn, Tiếng Anh Toán, Ngữ Văn, Vật lý Toán, Ngữ Văn, Hóa học Toán, Ngữ Văn, Công nghệ *(Công nghệ: Công nghiệp hoặc Nông nghiệp)* Toán, Ngữ Văn, Sinh học Toán, Ngữ Văn, Lịch sử Toán, Ngữ Văn, Địa lý Toán, Ngữ Văn, Giáo dục KT&PL Toán, Ngữ Văn, Tin học

STT	Mã ngành	Tên ngành	Tổ hợp môn xét tuyển
6	7380101	Luật	Toán, Vật lý, Hóa học Toán, Vật lý, Tiếng Anh Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh Toán, Ngữ Văn, Vật lý Toán, Ngữ Văn, Hóa học Toán, Ngữ Văn, Lịch sử Toán, Ngữ Văn, Địa lý Toán, Ngữ Văn, Giáo dục KT&PL Toán, Ngữ Văn, Tin học Toán, Lịch sử, Giáo dục KT&PL Ngữ Văn, Lịch sử, Giáo dục KT&PL
7	7440222	Khí tượng và khí hậu học	Toán, Vật lý, Hóa học Toán, Hóa học, Sinh học Toán, Tiếng Anh, Vật lý Toán, Ngữ Văn, Tiếng Anh Toán, Ngữ Văn, Vật lý Toán, Ngữ Văn, Hóa học Toán, Ngữ Văn, Sinh học Toán, Ngữ Văn, Công nghệ *(Công nghệ: Công nghiệp hoặc Nông nghiệp)* Toán, Ngữ Văn, Tin học Toán, Ngữ Văn, Lịch sử Toán, Ngữ Văn, Địa lý Toán, Ngữ Văn, Giáo dục KT&PL
8	7440224	Thủy văn học	Toán, Vật lý, Hóa học Toán, Hóa học, Sinh học Toán, Tiếng Anh, Vật lý Toán, Ngữ Văn, Tiếng Anh Toán, Ngữ Văn, Vật lý Toán, Ngữ Văn, Hóa học Toán, Ngữ Văn, Sinh học Toán, Ngữ Văn, Công nghệ *(Công nghệ: Công nghiệp hoặc Nông nghiệp)* Toán, Ngữ Văn, Tin học Toán, Ngữ Văn, Lịch sử Toán, Ngữ Văn, Địa lý Toán, Ngữ Văn, Giáo dục KT&PL

STT	Mã ngành	Tên ngành	Tổ hợp môn xét tuyển
9	7440298	Biến đổi khí hậu và phát triển bền vững	Toán, Vật lý, Hóa học Ngữ Văn, Địa lý, Tiếng Anh Ngữ Văn, Lịch sử, Địa lý Toán, Ngữ Văn, Tiếng Anh Toán, Ngữ Văn, Vật lý Toán, Ngữ Văn, Hóa học Toán, Ngữ Văn, Công nghệ *(Công nghệ: Công nghiệp hoặc Nông nghiệp)* Toán, Ngữ Văn, Sinh học Toán, Ngữ Văn, Lịch sử Toán, Ngữ Văn, Địa lý Toán, Ngữ Văn, Giáo dục KT&PL Toán, Ngữ Văn, Tin học
10	7480201	Công nghệ thông tin	Toán, Vật lý, Hóa học Toán, Vật lý, Tiếng Anh Toán, Hóa học, Sinh học Toán, Ngữ Văn, Tiếng Anh Toán, Ngữ Văn, Vật lý Toán, Ngữ Văn, Hóa học Toán, Ngữ Văn, Công nghệ *(Công nghệ: Công nghiệp hoặc Nông nghiệp)* Toán, Ngữ Văn, Sinh học Toán, Ngữ Văn, Địa lý Toán, Ngữ Văn, Tin học Toán, Tiếng Anh, Tin học Toán, Vật lý, Tin học
11	7510406	Công nghệ kỹ thuật môi trường	Toán, Vật lý, Hóa học Toán, Hóa học, Sinh học Toán, Tiếng Anh, Vật lý Toán, Ngữ Văn, Tiếng Anh Toán, Ngữ Văn, Vật lý Toán, Ngữ Văn, Hóa học Toán, Ngữ Văn, Công nghệ *(Công nghệ: Công nghiệp hoặc Nông nghiệp)* Toán, Ngữ Văn, Sinh học Toán, Ngữ Văn, Tin học Toán, Tiếng Anh, Sinh học Toán, Tiếng Anh, Hóa học Toán, Hóa học, Giáo dục KT&PL

STT	Mã ngành	Tên ngành	Tổ hợp môn xét tuyển
12	7510605	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	Toán, Vật lý, Hóa học Toán, Vật lý, Tiếng Anh Ngữ Văn, Lịch sử, Địa lý Toán, Ngữ Văn, Tiếng Anh Toán, Ngữ Văn, Vật lý Toán, Ngữ Văn, Hóa học Toán, Ngữ Văn, Công nghệ *(Công nghệ: Công nghiệp hoặc Nông nghiệp)* Toán, Ngữ Văn, Sinh học Toán, Ngữ Văn, Lịch sử Toán, Ngữ Văn, Địa lý Toán, Ngữ Văn, Giáo dục KT&PL Toán, Ngữ Văn, Tin học
13	7520501	Kỹ thuật địa chất	Toán, Vật lý, Hóa học Toán, Vật lý, Tiếng Anh Ngữ Văn, Địa lý, Tiếng Anh Toán, Ngữ Văn, Tiếng Anh Toán, Ngữ Văn, Vật lý Toán, Ngữ Văn, Hóa học Toán, Ngữ Văn, Công nghệ *(Công nghệ: Công nghiệp hoặc Nông nghiệp)* Toán, Ngữ Văn, Tin học Toán, Ngữ Văn, Địa lý Toán, Ngữ Văn, Sinh học Toán, Ngữ Văn, Giáo dục KT&PL Toán, Ngữ Văn, Lịch sử
14	7520503	Kỹ thuật trắc địa bản đồ	Toán, Vật lý, Hóa học Toán, Vật lý, Tiếng Anh Ngữ Văn, Địa lý, Tiếng Anh Toán, Ngữ Văn, Tiếng Anh Toán, Ngữ Văn, Vật lý Toán, Ngữ Văn, Hóa học Toán, Ngữ Văn, Công nghệ *(Công nghệ: Công nghiệp hoặc Nông nghiệp)* Toán, Ngữ Văn, Tin học Toán, Ngữ Văn, Địa lý Toán, Ngữ Văn, Sinh học Toán, Ngữ Văn, Giáo dục KT&PL Toán, Ngữ Văn, Lịch sử

STT	Mã ngành	Tên ngành	Tổ hợp môn xét tuyển
15	7540106	Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm	Toán, Vật lý, Hóa học Toán, Hóa học, Sinh học Toán, Tiếng Anh, Hóa học Toán, Ngữ Văn, Tiếng Anh Toán, Ngữ Văn, Vật lý Toán, Ngữ Văn, Hóa học Toán, Ngữ Văn, Công nghệ *(Công nghệ: Công nghiệp hoặc Nông nghiệp)* Toán, Ngữ Văn, Sinh học Toán, Ngữ Văn, Tin học Toán, Tiếng Anh, Sinh học Toán, Tiếng Anh, Vật lý Toán, Sinh học, Giáo dục KT&PL
16	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Toán, Vật lý, Hóa học Toán, Vật lý, Tiếng Anh Ngữ Văn, Lịch sử, Địa lý Toán, Ngữ Văn, Tiếng Anh Toán, Ngữ Văn, Vật lý Toán, Ngữ Văn, Hóa học Toán, Ngữ Văn, Công nghệ *(Công nghệ: Công nghiệp hoặc Nông nghiệp)* Toán, Ngữ Văn, Sinh học Toán, Ngữ Văn, Lịch sử Toán, Ngữ Văn, Địa lý Toán, Ngữ Văn, Giáo dục KT&PL Toán, Ngữ Văn, Tin học
17	7810201	Quản trị khách sạn	Toán, Vật lý, Hóa học Toán, Vật lý, Tiếng Anh Ngữ Văn, Lịch sử, Địa lý Toán, Ngữ Văn, Tiếng Anh Toán, Ngữ Văn, Vật lý Toán, Ngữ Văn, Hóa học Toán, Ngữ Văn, Công nghệ *(Công nghệ: Công nghiệp hoặc Nông nghiệp)* Toán, Ngữ Văn, Sinh học Toán, Ngữ Văn, Lịch sử Toán, Ngữ Văn, Địa lý Toán, Ngữ Văn, Giáo dục KT&PL Toán, Ngữ Văn, Tin học

STT	Mã ngành	Tên ngành	Tổ hợp môn xét tuyển
18	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	Toán, Vật lý, Hóa học Toán, Hóa học, Sinh học Ngữ Văn, Địa lý, Tiếng Anh Toán, Ngữ Văn, Tiếng Anh Toán, Ngữ Văn, Vật lý Toán, Ngữ Văn, Hóa học Toán, Ngữ Văn, Công nghệ *(Công nghệ: Công nghiệp hoặc Nông nghiệp)* Toán, Ngữ Văn, Sinh học Toán, Ngữ Văn, Lịch sử Toán, Ngữ Văn, Địa lý Toán, Ngữ Văn, Giáo dục KT&PL Toán, Ngữ Văn, Tin học
19	7850102	Kinh tế Tài nguyên thiên nhiên	Toán, Vật lý, Hóa học Toán, Tiếng Anh, Vật lý Toán, Lịch sử, Địa lý Toán, Ngữ Văn, Tiếng Anh Toán, Ngữ Văn, Vật lý Toán, Ngữ Văn, Hóa học Toán, Ngữ Văn, Công nghệ *(Công nghệ: Công nghiệp hoặc Nông nghiệp)* Toán, Ngữ Văn, Sinh học Toán, Ngữ Văn, Lịch sử Toán, Ngữ Văn, Địa lý Toán, Ngữ Văn, Giáo dục KT&PL Toán, Ngữ Văn, Tin học
20	7850103	Quản lý đất đai	Toán, Vật lý, Hóa học Toán, Hóa học, Sinh học Ngữ Văn, Lịch sử, Địa lý Toán, Ngữ Văn, Tiếng Anh Toán, Ngữ Văn, Vật lý Toán, Ngữ Văn, Hóa học Toán, Ngữ Văn, Công nghệ *(Công nghệ: Công nghiệp hoặc Nông nghiệp)* Toán, Ngữ Văn, Sinh học Toán, Ngữ Văn, Lịch sử Toán, Ngữ Văn, Địa lý Toán, Ngữ Văn, Giáo dục KT&PL Toán, Ngữ Văn, Tin học

STT	Mã ngành	Tên ngành	Tổ hợp môn xét tuyển
21	7850198	Quản lý tài nguyên nước	Toán, Vật lý, Hóa học Toán, Vật lý, Tiếng Anh Toán, Hóa học, Sinh học Toán, Ngữ Văn, Tiếng Anh Toán, Ngữ Văn, Vật lý Toán, Ngữ Văn, Hóa học Toán, Ngữ Văn, Công nghệ *(Công nghệ: Công nghiệp hoặc Nông nghiệp)* Toán, Ngữ Văn, Sinh học Toán, Ngữ Văn, Lịch sử Toán, Ngữ Văn, Địa lý Toán, Ngữ Văn, Giáo dục KT&PL Toán, Ngữ Văn, Tin học
22	7850199	Quản lý biển	Toán, Vật lý, Hóa học Toán, Vật lý, Tiếng Anh Toán, Hóa học, Sinh học Toán, Ngữ Văn, Tiếng Anh Toán, Ngữ Văn, Vật lý Toán, Ngữ Văn, Hóa học Toán, Ngữ Văn, Công nghệ *(Công nghệ: Công nghiệp hoặc Nông nghiệp)* Toán, Ngữ Văn, Sinh học Toán, Ngữ Văn, Lịch sử Toán, Ngữ Văn, Địa lý Toán, Ngữ Văn, Giáo dục KT&PL Toán, Ngữ Văn, Tin học

3. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào (Ngưỡng ĐBCL đầu vào)

- Thí sinh xét tuyển theo phương thức 2 và phương thức 3 phải đáp ứng điều kiện có tổng điểm 03 môn thi tốt nghiệp THPT (hoặc kỳ thi trung học nghề đối với đối tượng trung học nghề) của các năm theo tổ hợp xét tuyển (hoặc sử dụng điểm thi môn Toán, Ngữ văn và một môn thi khác) đạt tối thiểu 15,00 điểm theo thang điểm 30, áp dụng đối với thí sinh thi tốt nghiệp từ năm 2026 trở đi (trừ thí sinh xét tuyển thẳng và thí sinh được đặc cách miễn thi tốt nghiệp THPT).

- Đối với thí sinh xét tuyển theo phương thức 3 phải đáp ứng thêm điều kiện tổng điểm 03 môn theo tổ hợp xét tuyển trong Học bạ THPT đạt tối thiểu 18,00 điểm.

- Trường hợp thí sinh sử dụng chứng chỉ Tiếng Anh (để miễn thi tốt nghiệp môn ngoại ngữ) thay cho điểm môn tiếng Anh để đăng ký xét tuyển đại học, Nhà trường áp dụng quy đổi kết quả chứng chỉ Tiếng Anh thành điểm xét môn Tiếng Anh theo quy định tại Thông tin tuyển sinh trình độ đại học hình thức chính quy năm 2026.

4. Quy định về xét tuyển thẳng; ưu tiên xét tuyển và Quy định về điểm cộng trong tuyển sinh

Đối với tuyển sinh đại học hình thức đào tạo thường xuyên các quy định về xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển và điểm cộng cho thí sinh được áp dụng theo quy định hiện hành trong Thông tin tuyển sinh đại học hình thức đào tạo chính quy năm 2026.

5. Thông tin tổ chức tuyển sinh năm 2026

- Thời gian tuyển sinh: Tuyển sinh đại học hình thức đào tạo thường xuyên được tổ chức nhiều đợt trong năm từ khi bắt đầu tuyển sinh đến hết 31/12 hàng năm hoặc kết thúc khi đã đủ chỉ tiêu tuyển sinh.

- Hình thức nhận hồ sơ ĐKXT:

+ ĐKXT trực tiếp: Phân hiệu tại tỉnh Thanh Hóa số 04, đường Trần Phú, phường Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

+ ĐKXT qua bưu điện: Tại các điểm bưu cục trên toàn quốc. Thí sinh hoàn thiện hồ sơ và gửi theo hình thức chuyển phát nhanh hoặc chuyển phát bưu phẩm bảo đảm gửi về địa chỉ trên.

- Hồ sơ ĐKXT gồm:

+ Phiếu đăng ký dự tuyển (theo mẫu của Nhà trường).

+ Bản sao công chứng hợp lệ: Học bạ THPT, Bằng tốt nghiệp THPT hoặc Giấy chứng nhận tốt nghiệp THPT còn thời hạn.

+ Hồ sơ minh chứng khu vực; đối tượng ưu tiên; điểm cộng và ưu tiên khác (nếu có).

+ Bản sao công chứng Căn cước công dân.

III. Thông tin tuyển sinh đào tạo liên thông đại học hình thức đào tạo thường xuyên đối với thí sinh đã tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng hoặc đại học (Dự kiến)

1. Đối tượng, điều kiện dự tuyển

- Thí sinh đã tốt nghiệp trình độ trung cấp hoặc cao đẳng hoặc đại học tại các cơ sơ giáo dục hợp pháp của Việt Nam hoặc đã tốt nghiệp chương trình tương đương của nước ngoài được công nhận theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và có bằng tốt nghiệp, bảng điểm được công nhận theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Có đủ sức khoẻ để học tập theo quy định hiện hành. Đối với người khuyết tật được cấp có thẩm quyền công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt và học tập thì Hiệu trưởng xem xét, quyết định cho dự tuyển vào các ngành học phù hợp với tình trạng sức khỏe.

2. Phương thức tuyển sinh năm 2026 (Dự kiến)

Nhà trường tuyển sinh theo phương thức xét tuyển kết quả học tập toàn khóa.

3. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào (Ngưỡng ĐBCL đầu vào)

Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào: Người tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng, đại học đăng ký xét tuyển đào tạo trình độ đại học hình thức đào tạo thường xuyên phải có mức điểm trung bình chung toàn khóa trong bảng điểm đạt từ 2,00 trở lên đối với đào tạo tín chỉ hoặc 5,00 trở lên đối với đào tạo niên chế.

4. Thông tin tổ chức tuyển sinh năm 2026

4.1. Điều kiện đăng ký xét tuyển

a) Đối với đào tạo liên thông từ trình độ trung cấp lên trình độ đại học

- Xét tuyển theo bảng điểm tốt nghiệp trung cấp.
- Điều kiện:

+ Có bằng tốt nghiệp trung cấp, trung cấp chuyên nghiệp hoặc trung cấp nghề (sau đây gọi chung là trung cấp) do các cơ sở giáo dục hợp pháp của Việt Nam cấp hoặc do các cơ sở giáo dục hợp pháp ở nước ngoài cấp và được công nhận theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Người có bằng tốt nghiệp trung cấp (hoặc tương đương) phải bảo đảm có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc đã học và thi đạt yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa trung học phổ thông theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

+ Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành.

+ Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định.

b) Đối với đào tạo liên thông từ trình độ cao đẳng lên trình độ đại học

- Xét tuyển theo bảng điểm tốt nghiệp trung cấp hoặc cao đẳng.
- Điều kiện:

+ Có bằng tốt nghiệp cao đẳng chuyên nghiệp hoặc cao đẳng nghề (sau đây gọi chung là cao đẳng) do các cơ sở giáo dục hợp pháp của Việt Nam cấp hoặc do các cơ sở giáo dục hợp pháp ở nước ngoài cấp và được công nhận theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

+ Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành.

+ Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định.

c) Đối với đào tạo liên thông với người đã tốt nghiệp đại học để nhận bằng tốt nghiệp đại học ngành đào tạo khác

- Xét tuyển theo bảng điểm tốt nghiệp đại học.
- Điều kiện:

+ Có bằng tốt nghiệp đại học do các cơ sở giáo dục hợp pháp của Việt Nam cấp hoặc do các cơ sở giáo dục hợp pháp ở nước ngoài cấp và được công nhận theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

+ Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành.

+ Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định.

4.2. Nguyên tắc xét tuyển

- Điểm xét tuyển bằng điểm trung bình chung toàn khóa trong bảng điểm cộng với điểm ưu tiên khu vực, đối tượng ưu tiên (nếu có).

- Xét tuyển theo điểm xét tuyển của thí sinh lấy từ cao xuống thấp. Trường hợp cuối danh sách có nhiều thí sinh bằng điểm nhau thì ưu tiên xét tuyển cho thí sinh có điểm học phần khóa luận tốt nghiệp (hoặc môn thi tốt nghiệp) cao hơn.

4.3. Tổ chức tuyển sinh

- Thời gian: Tuyển sinh đại học hình thức đào tạo thường xuyên được tổ chức nhiều đợt trong năm từ khi bắt đầu tuyển sinh đến hết 31/12 hàng năm hoặc kết thúc khi đã đủ chỉ tiêu tuyển sinh.

- Hình thức nhận hồ sơ ĐKXT: Thí sinh nộp hồ sơ ĐKXT tại Phân hiệu Trường tại tỉnh Thanh Hóa qua địa chỉ: Số 04, đường Trần Phú, phường Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa theo các hình thức sau:

+ ĐKXT trực tiếp: Phân hiệu tại tỉnh Thanh Hóa số 04, đường Trần Phú, phường Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

+ ĐKXT qua bưu điện: Tại các điểm bưu cục trên toàn quốc. Thí sinh hoàn thiện hồ sơ và gửi theo hình thức chuyển phát nhanh hoặc chuyển phát bưu phẩm bảo đảm gửi về địa chỉ trên.

- Hồ sơ ĐKXT gồm:

** Hồ sơ đăng ký dự tuyển liên thông giữa trình độ trung cấp với trình độ đại học:*

+ Phiếu đăng ký dự tuyển (theo mẫu của Nhà trường).

+ Bản sao công chứng hợp lệ Bằng tốt nghiệp, bảng điểm trung cấp (Đối với thí sinh tốt nghiệp trung cấp nghề nộp thêm bản sao công chứng bằng tốt nghiệp hệ THPT).

+ Hồ sơ minh chứng khu vực; đối tượng; điểm cộng và ưu tiên khác (nếu có).

+ Bản sao công chứng Căn cước công dân.

** Hồ sơ đăng ký dự tuyển liên thông giữa trình độ cao đẳng với trình độ đại học:*

+ Phiếu đăng ký dự tuyển (theo mẫu của Nhà trường).

+ Bản sao công chứng hợp lệ Bằng tốt nghiệp, bảng điểm cao đẳng.

+ Hồ sơ minh chứng khu vực; đối tượng; điểm cộng và ưu tiên khác (nếu có).

+ Bản sao công chứng Căn cước công dân.

** Hồ sơ đăng ký Liên thông đối với người đã tốt nghiệp đại học để nhận bằng tốt nghiệp đại học ngành khác*:

+ Phiếu đăng ký dự tuyển (theo mẫu của Nhà trường).

+ Bản sao công chứng hợp lệ Bằng tốt nghiệp, bảng điểm đại học.

+ Hồ sơ minh chứng khu vực; đối tượng; điểm cộng và ưu tiên khác (nếu có).

+ Bản sao công chứng Căn cước công dân.

IV. Chỉ tiêu tuyển sinh chung (Dự kiến)

STT	Nhóm ngành tuyển sinh	Chỉ tiêu *(Dự kiến)*
1	**Khoa học trái đất:** + Khí tượng và Khí hậu học + Thủy văn học + Biến đổi khí hậu và phát triển bền vững	75
2	**Kỹ thuật địa chất, địa vật lý và trắc địa** + Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ + Kỹ thuật địa chất	75

3	**Quản lý tài nguyên và môi trường:** + Quản lý đất đai + Quản lý Tài nguyên và Môi trường + Kinh tế tài nguyên thiên nhiên + Quản lý biển + Quản lý tài nguyên nước	300
4	**Công nghệ hóa học, vật liệu, luyện kim và môi trường:** + Công nghệ kỹ thuật môi trường	50
5	**Kế toán, kiểm toán:** + Kế toán	50
6	**Kinh doanh** + Quản trị kinh doanh + Bất động sản + Marketing	150
7	**Quản lý công nghiệp** + Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	50
8	**Chế biến lương thực, thực phẩm và đồ uống** + Đảm bảo chất lượng & An toàn thực phẩm	30
9	**Ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài** + Ngôn ngữ Anh	30
10	**Du lịch** + Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	30
11	**Khách sạn, nhà hàng** + Quản trị khách sạn	30
12	**Nhóm ngành Công nghệ thông tin** + Công nghệ thông tin	50
13	**Luật:** + Luật	50

V. Các nội dung chung khác về tuyển sinh đại học hình thức đào tạo thường xuyên

1. Quy định về khu vực, đối tượng ưu tiên trong tuyển sinh

Theo quy định hiện hành về khu vực và đối tượng ưu tiên trong tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Lệ phí xét tuyển: Lệ phí xét tuyển là 30.000 đồng/1 hồ sơ xét tuyển.

3. Thông tin về tuyển sinh đại học hình thức đào tạo thường xuyên hai năm gần nhất

- Năm 2024: Trường tuyển sinh theo phương thức xét tuyển kết quả học tập THPT đối với xét tuyển đại học hình thức đào tạo thường xuyên; xét tuyển kết quả học tập trung

cấp *hoặc* cao đẳng *hoặc* đại học đối với xét tuyển liên thông đại học hình thức đào tạo thường xuyên.

- Năm 2025: Trường tuyển sinh theo phương thức xét tuyển kết quả học tập THPT đối với xét tuyển đại học hình thức đào tạo thường xuyên; xét tuyển kết quả học tập trung cấp *hoặc* cao đẳng *hoặc* đại học đối với xét tuyển liên thông đại học hình thức đào tạo thường xuyên .

- Kết quả tuyển sinh:

STT	Mã ngành	Tên ngành	Năm 2024	Năm 2025
1	7850103	Quản lý đất đai	41	18
2	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	7	10
3	7520503	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ	34	42
4	7440222	Khí tượng và khí hậu học	0	29
5	7440224	Thủy văn học	0	16
Tổng hợp			**82**	**115**

Trên đây là dự kiến nội dung Thông tin tuyển sinh đại học hình thức đào tạo thường xuyên năm 2026 của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội. Căn cứ các quy định và hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo trong quá trình tổ chức công tác tuyển sinh, nội dung Thông tin tuyển sinh có thể được điều chỉnh. Thí sinh theo dõi các thông báo, hướng dẫn tuyển sinh được Nhà trường cập nhật trên website của Trường./.

Nơi nhận:
- Vụ GDĐH - Bộ GD&ĐT (để báo cáo);
- Các Phó Hiệu trưởng;
- Các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường;
- Website Trường;
- Lưu: VT, ĐT. ĐH(5).

Q. HIỆU TRƯỞNG

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

Huỳnh Thị Lan Hương